

TÒA ÁN NHÂN DÂN

QUẬN H

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/6/2024

Về việc tranh chấp ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Phương.**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Hoàng Mạnh Hùng.**

- Ông **Nguyễn Văn Sơn.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Lại** – Thư ký Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Cẩm Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 128/2024/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/QĐXX - ST ngày 09 tháng 5 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số 33 ngày 05/6/2024; giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**; sinh năm 1979; Có mặt.

Nơi thường trú: Tổ 7, cụm 1, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Phường M, quận H, Thành phố Hà Nội.

* Bị đơn: Anh **Lê Đình D**; sinh năm 1964; Có mặt.

Nơi thường trú: Tổ 7, cụm 1, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Phường M, quận H, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Đình D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 16/3/2007 tại UBND xã An Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn với anh D chị đã kết hôn một lần và đã ly hôn. Sau khi kết hôn anh chị thuê nhà ở tại phường M, quận H, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Anh D thường chửi bới và xúc phạm chị về tinh thần và làm chị mất thể diện trước khách hàng và hàng xóm. Có lần anh D đánh chị trước mặt con, ngoài ra anh D còn nghi ngờ chị ngoại tình với người khác, từ đó tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt. Vợ chồng thỏa thuận li thân bằng văn bản từ ngày 18/02/2023, sau đó khoảng tháng 5 năm 2023 quay lại ở cùng với nhau. Nhưng không cải thiện được cuộc sống nên đến tháng 7 năm 2023 anh chị lại tiếp tục li thân, không ai quan tâm đến ai, không liên quan đến tài chính của nhau và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn anh D để ổn định cuộc sống. Chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa vì không thể tiếp tục chung sống với nhau.

- Về con chung: Chị xác nhận tôi và anh D có hai con chung là cháu Lê Yến Nhi, sinh ngày 18/6/2001 và cháu Lê Minh Đức, sinh ngày 17/10/2007. Con chung sức khỏe bình thường và phát triển tốt, khi ly hôn chị xin nuôi dưỡng cháu Đức. Cháu Nhi đã trưởng thành và có gia đình riêng nên khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Anh chị không có, ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh chị không có, khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Lê Đình D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 16/3/2007 tại UBND xã An Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn với chị T anh đã kết hôn một lần và đã ly hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà ở tại phường M, quận H, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Có lần chị T bỏ nhà đi nhiều ngày mới về, khi về nhà chị T nói lời không đúng mực với anh nên anh bức xúc có chửi chị T và tát chị T một cái, ngoài ra

chị T còn có quan hệ ngoại tình với người khác. Do mâu thuẫn nên anh chị thỏa thuận li thân bằng văn bản từ ngày 18/02/2023, sau đó chị T xin lỗi vợ chồng về ở với nhau từ tháng 5 năm 2023 nhưng không có kết quả và lại tiếp tục li thân từ tháng 7 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai, không quan hệ sinh lí với nhau. Chị T làm đơn xin ly hôn anh, anh không muốn vợ chồng li hôn vì cháu Đức chưa trưởng thành, anh mong hai vợ chồng cùng ở với nhau để chăm sóc và dạy bảo con cái. Nếu chị T kiên quyết xin ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh D xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Yến Nhi, sinh ngày 18/6/2001 và cháu Lê Minh Đức, sinh ngày 17/10/2007. Các con chung sức khỏe bình thường và phát triển tốt, nếu phải ly hôn anh đồng ý để chị T nuôi cháu Đức. Cháu Nhi đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Vợ chồng anh chị không có, khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh và chị T không có, ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đình D, anh Lê Đình D xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nên anh chị thỏa thuận li thân bằng văn bản từ ngày 18/02/2023, sau đó chị T xin lỗi vợ chồng về ở với nhau từ tháng 5 năm 2023 nhưng không có kết quả và lại tiếp tục li thân từ tháng 7 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai, không quan hệ sinh lí với nhau. Chị T làm đơn xin ly hôn anh, anh không muốn vợ chồng li hôn vì cháu Đức chưa trưởng thành, anh mong hai vợ chồng cùng ở với nhau để chăm sóc và dạy bảo con cái. Nếu chị T kiên quyết xin ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về con chung: Anh D và chị T xác nhận có 02 con chung là cháu Lê Yến Nhi, sinh ngày 18/6/2001 và cháu Lê Minh Đức, sinh ngày 17/10/2007, nếu phải ly hôn anh D đồng ý để chị T nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là Lê Minh Đức, sinh ngày 17/10/2007 cấp dưỡng nuôi con chung không đề nghị Tòa án giải quyết; đối với cháu Lê Yến Nhi, sinh ngày 18/6/2001 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, về cấp dưỡng nuôi con chung anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh D, xác nhận không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết;

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận H có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của HĐXX và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân quận H thụ lý đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Lê Đình D là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS. Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 195, 196, 197 Bộ luật TTDS; Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án giải quyết đúng thời hạn chuẩn bị xét xử.

Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/UBTVQH quy định về án phí năm 2016: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc xin ly hôn với anh Lê Đình D; Về con chung: giao con chung là cháu Lê Minh Đức cho chị T chăm sóc và nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có yêu cầu khác, kể từ tháng 6/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác, đối với cháu Lê Yến Nhi đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. nên không xét; Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có không yêu cầu nên không xét; Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn xin ly hôn đối với anh Lê Đình D, nơi cư trú: Phường M, quận H, Thành phố Hà Nội, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Lê Đình D vào ngày 16/3/2007 trước khi đăng ký kết hôn hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc đây là lần kết hôn thứ hai. Do vậy HĐXX nhận định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống tại quận H, Thành phố Hà Nội. Quá trình

vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau bên cạnh đó anh D nghi ngờ chị ngoại tình không chung thủy. Anh D thường chửi bới và xúc phạm chị về tinh thần và làm chị mất thể diện trước khách hàng và hàng xóm và thường đánh chị. Vợ chồng đã thỏa thuận li thân bằng văn bản từ ngày 18/02/2023, sau đó khoảng tháng 5 năm 2023 quay lại ở cùng với nhau. Nhưng không cải thiện được cuộc sống nên đến tháng 7 năm 2023 anh chị lại tiếp tục li thân, không ai quan tâm đến ai, không liên quan đến tài chính của nhau và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó. Do mâu thuẫn nên anh chị thỏa thuận li thân bằng văn bản từ ngày 18/02/2023, sau đó chị T xin lỗi vợ chồng về ở với nhau từ tháng 5 năm 2023 nhưng không có kết quả và lại tiếp tục li thân từ tháng 7 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai, không quan hệ sinh lí với nhau. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn xin ly hôn anh D, anh D không muốn vợ chồng li hôn vì cháu Đức chưa trưởng thành, anh mong hai vợ chồng cùng ở với nhau để chăm sóc và dạy bảo con cái. Nếu chị T kiên quyết xin ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Lê Đình D và chị Nguyễn Thị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị T xin ly hôn là có căn cứ, anh D cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh Lê Đình T là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Thị T và anh Lê Đình D có 02 con chung là cháu là Lê Yến Nhi (nữ), sinh ngày 18/6/2001 và cháu Lê Minh Đức (nam), sinh ngày 17/10/2007. Ly hôn chị T anh D thỏa thuận để chị T nuôi dưỡng và chăm sóc cháu cháu Lê Minh Đức, đối với cháu Lê Yến Nhi đã trưởng thành và có gia đình riêng nên khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX xét thấy để đảm bảo quyền và lợi ích của con khi bố mẹ ly hôn, HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị T, giao con chung là Lê Minh Đức, sinh ngày 17/10/2007 cho chị T tiếp tục trực tiếp, chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, kể từ tháng 6/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác; về cấp dưỡng nuôi con chung anh chị không yêu cầu nên HĐXX không xét. Đối với cháu Lê Yến Nhi đã trưởng thành và có gia đình riêng ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xét.

Về tài sản chung (động sản + bất động sản) và nợ chung: Chị T và anh D đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. *Xử:* - Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Lê Đình D.

- *Về con chung:* Xác nhận chị Nguyễn Thị T và anh Lê Đình D có hai con chung là cháu Lê Yến Nhi (nữ), sinh ngày 18/6/2001 và cháu Lê Minh Đức (nam), sinh ngày 17/10/2007. Giao chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Lê Minh Đức; kể từ tháng 6/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Đối với cháu Lê Yến Nhi đã trưởng thành và có gia đình riêng ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Lê Đình D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung (động sản và bất động sản), nợ chung:* Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Đình D xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không giải quyết.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai

số: 0011205 ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, Thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị T, anh Lê Đình D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA dân sự quận H;
- UBND xã An Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc; (GCNKH số 21, ngày 16/3/2007)
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Phương